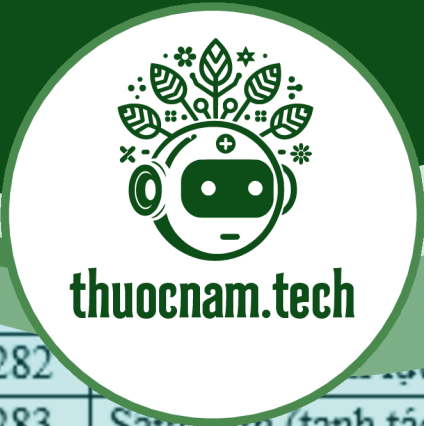


(Kèm theo Bản Thuyết minh dự án)

PHỤ LỤC

Đề tài: CHATBOT AI HỖ TRỢ TƯ VẤN CHỮA MỘT SỐ BỆNH THÔNG THƯỜNG BẰNG CÂY THUỐC THEO TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA NGƯỜI CHĂM VÀ RAG LAI TỈNH NINH THUẬN



	Kim ngân				
63	Quả giun	171			
64	Khoai lang	172	Nghe		
65	Khê rừng	173	Rau răm		
66	Bìm bìm biếc	174	Rau sam	282	
67	Bạc thau	175	Ổ đầu	283	Sâm nam (tanh tách)
68	Rau muống	176	Dây đòn gánh	284	Sâm rừng
69	Mía dò	177	Táo đại	285	Thần sạ
70	Bí ngô	178	Táo ta	286	Sầu đâu
71	Gấc	179	Đùm dùm	287	Cây đậu so đũa
72	Mướp	180	Dâu tây	288	Sống đời
73	Qua lâu	181	Kim anh	289	Sung
74	Cỏ ba cạnh	182	Ba kích	290	Gai Yết hầu, Bạch tật lệ
75	Củ gấu	183	Bướm bạc (cây)	291	tang phiêu tiêu
76	Dây chiều	184	Dạ cầm	292	Phân tằm
77	Củ mài	185	Dọt sành, thanh táo rừng	293	Táo rừng (dại)
78		186	Mơ lông đại	294	Thảo nam sơn
79		187	Bướm bạc (dây)	295	Thảo quyết minh
80	Hồng	188	Bưởi	296	Tơ hồng
81	Dây hương (dây bò	189	Cơm nếp	297	Vạn tuế linh

Tác giả: Nguyễn Hồ Thiện Nhân
Lĩnh vực: Phần mềm tin học

CUỘC THI SÁNG TẠO DÀNH CHO THANH THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG TOÀN
QUỐC LẦN THỨ 20 (NĂM 2024)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Bản thuyết minh dự án)

**Đề tài: CHATBOT AI HỖ TRỢ TƯ VẤN CHỮA MỘT SỐ BỆNH THÔNG
THƯỜNG BẰNG CÂY THUỐC THEO
TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA NGƯỜI CHĂM VÀ RAGLAI
TỈNH NINH THUẬN**

Lĩnh vực : Phần mềm tin học

Họ và tên tác giả: Nguyễn Hồ Thiện Nhân

Người hướng dẫn: Trần Nhật Trường

PHỤ LỤC-----	2
Phụ lục 1: Danh mục các cây dùng làm thuốc của đồng bào dân tộc Chăm	2
Phụ lục 2: Danh mục các cây dùng làm thuốc của đồng bào dân tộc Raglai	5
Phụ lục 3: Danh mục các bài thuốc của Lương y dân tộc Chăm tại huyện Ninh Phước.	7
Phụ lục 4: Danh mục thuốc vườn Quốc gia núi Chúa – Huyện Ninh Hải (TS. Lê Văn Minh).....	9
Phụ lục 5: Danh mục thuốc vườn Quốc gia Phước Bình và một số địa phương khác (TS. Lê Văn Minh).....	18
Phụ lục 6: Các bài thuốc Nam tại Hội Đông Y huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.....	53

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh mục các cây dùng làm thuốc của đồng bào dân tộc Chăm

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
1	Cơm nếp	109	Thóc lép lá dài	217	Cầu tích
2	Nấm hương	110	Vông nem	218	Gai
3	Hồ vĩ mép lá vàng	111	Vuốt hùm	219	Bạch đồng nữ
4	Rau mác	112	Xấu hổ	220	Bọ mảy
5	Cỏ xước	113	Kê huyết đằng	221	Cỏ roi ngựa
6	Dền gai	114	Gắm	222	Mồ mâm xôi
7	Mào gà đỏ	115	Sau sau	223	Xích đông nam
8	Mào gà trắng	116	Hoa hiên	224	Bông ổi
9	Mào gà vàng	117	Dây chề ba	225	Chè vằng
10	Náng hoa trắng	118	Mộc thông ta	226	Dây chìa vôi
11	Xoài	119	Bạc hà	227	Dây quai bị
12	Dền	120	Kinh giới	228	Gừng gió
13	Na	121	Tía tô	229	Nga truyệt
14	Mãng cầu ta	122	ích mẫu	230	Nghệ
15	Rau má	123	Bời lời nhót	231	Sa nhân
16	Rau mùi	124	Long não	232	Sa nhân tím
17	Ba gạc	125	Màng tang	233	Thảo quả
18	Dừa cạn	126	Quế	234	Quế vàng (sông pha)
19	ót làn lá nhỏ	127	Tam tàng	235	Bạch tứ long (nhất đốt tứ diệp)
20	Mức hoa trắng	128	Gối hạc	236	đại hoa trắng (cây sứ)
21	Sữa	129	Bách hợp	237	Cây bông bông
22	Bán hạ, Củ chóc	130	Hành	238	Cây gòn đực có gai
23	Ráy gai/ “nam bán hạ”	131	Hẹ	239	Xương khô (cành giao,
24	Ráy leo lá rách	132	Tỏi	240	Cây gai mở quạ
25	Thạch xương bồ	133	Đơn rau má	241	Cây bồ quân
26	Thiên niên kiện	134	Cối xay	242	Mơ Tam thể
27	Đơn châu châu	135	Dâm bụt	243	Cây vôi

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
28	Đu đủ	136	Ké hoa đào	244	Cà dái dê
29	Chân chim	137	Vông vang	245	Cà rốt
30	Chân chim	138	Bình vôi	246	Chôi đực, ké hoa vàng
31	Ngũ gia bì gai	139	Dây đau xương	247	Chuối hột (đọt có nhựa)
32	Thông thảo	140	Hoàng đằng	248	Chùm lé (gai ma)
33	Cau	141	Lỗ tiên	249	Củ gió đất
34	Cau rừng	142	Tiết dê	250	Dừa nước
35	Bông tai	143	Dâu tằm	251	Dứa, khóm, thơm
36	Hà thủ ô trắng	144	Dương	252	Hạ khô thảo
37	Dây đồng tiền	145	Mỏ quạ	253	Hà thủ ô nam
38	Hoàng tinh hoa trắng	146	Mít	254	Hoa thiên lý
39	Mạch môn	147	Ngái	255	Hoàng kỳ nam
40	Thiên môn	148	Ruối (đuối)	256	Hoàng liên gai
41	Đại bi	149	Trâu cổ	257	Huyết giác
42	Bồ công anh	150	Chuối rừng	258	Huyết rồng
43	Bầu đất	151	Chua ngút	259	kiến cò (bạch hạc)
44	Cây cút lợn	152	Chua me đất hoa vàng	260	Ký sinh chùm gởi
45	Cỏ lào	153	Chua me lá me	261	Chùm ngây
46	Cỏ tai hùm	154	Khế	262	Lô hội (nha đam)
47	Chi thiên	155	Dứa dại	263	Lúc (cây cúc tần)
48	Cúc hoa vàng	156	Đu đủ	264	Mần tưới
49	Cúc tần	157	Lục lạc	265	Mần kinh tử
50	Ké đầu ngựa	158	Dây lạc tiên	266	Màng màng
51	Hy thiêm	159	Lạc tiên quả, Chanh dây	267	Màng ri (màn màn,
52	Ngải cứu	160	Hồ tiêu	268	Đa đa, cò cưa, xân
53	Nhọ nôi	161	Lá lốt	269	Cỏ xước (ngưu tất nam)
54	Thanh hao hoa vàng	162	Mã đề	270	Nhân trần
55	Xương sông	163	Bạch hoa xà	271	Nhàu nhà
56	Mồng toi	164	Cỏ lá tre	272	Đinh lăng

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
57	Bát giác liên	165	Cỏ may	273	Trinh Nữ hoàng cung
58	Núc nác	166	Cỏ màn trâu	274	Đu đủ tía (thầu dầu)
59	Gạo	167	Cỏ tranh	275	Quả mướp (mướp ta)
60	Đảng sâm	168	Sả	276	Rau diếp cá
61	Trứng cuốc	169	Ý dĩ	277	Rau muống biển
62	Kim ngân	170	Cốt khí củ	278	Rau đắng biển
63	Quả giun	171	Hà thủ ô đỏ	279	Cây hoa nhài
64	Khoai lang	172	Nghê rằm	280	Cầu tích
65	Khế rừng	173	Rau rằm	281	Rễ si
66	Bìm bìm biếc	174	Rau sam	282	Cây lựu (thạch lựu)
67	Bạc thau	175	Ô đầu	283	Sâm nam (tanh tách)
68	Rau muống	176	Dây đòn gánh	284	Sâm rừng
69	Mía dò	177	Táo dại	285	Thần sạ
70	Bí ngô	178	Táo ta	286	Sầu đâu
71	Gấc	179	Đùm đùm	287	Cây đậu so đũa
72	Mướp	180	Dâu tây	288	Sống đời
73	Qua lâu	181	Kim anh	289	Sung
74	Cỏ ba cạnh	182	Ba kích	290	Gai Yết hầu, Bạch tật lệ
75	Củ gấu	183	Bướm bạc (cây)	291	tang phiêu tiêu
76	Dây chiều	184	Dạ cầm	292	Phân tằm
77	Củ mài	185	Dọt sành, thanh táo rừng	293	Táo rừng (dại)
78	Huyết dụ	186	Mơ lông đại	294	Thảo nam sơn
79	Huyết giác	187	Bướm bạc (dây)	295	Thảo quyết minh
80	Hồng	188	Bưởi	296	Tơ hồng
81	Dây hương (dây bò khai)	189	Cơm rượu	297	Vạn tuế linh
82	Đỗ trọng	190	Chanh	298	Cốt khí, muồng hòe
83	Bò cu vể	191	Dâm hôi	299	Vòi voi (dền voi)
84	Bùng bực	192	Quýt	300	Móc mè (vuốt hùm)
85	Bòn bọt	193	Xuyên tiêu	301	Vú bò (ngải phún)
86	Cây nổ	194	Nhãn	302	Trinh nữ

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
87	Cỏ sữa lá nhỏ	195	Tầm phồng	303	Xào đông
88	Cỏ sữa lá lớn	196	Diếp cá	304	Rau bợ, cỏ bợ
89	Chó đẻ	197	Rau má nước	305	Tầm phồng, bìm bìm
90	Diếp hạ châu	198	Na rừng	306	Cam đường, quýt hôi
91	Dầu Lai	199	Cam thảo đất	307	Rau mả
92	Me rừng	200	Cỏ lữ đồng	308	Ngũ trảo (hoàng kinh,)
93	Nhội	201	Thỏ phục linh	309	Kim tiền thảo
94	Rau ngót	202	Câu kỷ	310	Sâm đại hành
95	Thầu dầu tía	203	Cà độc dược	311	Cây me đất
96	Đậu ván trắng	204	Cà đại hoa trắng	312	Tô mộc
97	Bà mả	205	Cà đại hoa tím	313	Rau tần ô
98	Bồ kết	206	Cà gai leo	314	Cây sột soạt
99	Cam thảo dây	207	Chanh	315	Chùm rụm
100	Củ đậu	208	ớt cay	316	Muồng trâu
101	Dây mật	209	Thuốc lá	317	Thù lù lông
102	Hoè	210	Bách bộ	318	Chàm (chàm đậu)
103	Keo đậu	211	Trôm	319	Murp đắng (hồng cô nương)
104	Khổ sâm	212	Bồ đề	320	Cây ba vỏ (củ đèn lông)
105	Sắn dây	213	Hồi đầu thảo	321	Cánh kiến trắng
106	Tô mộc	214	Râu hùm	322	Thuốc dẫu (hồng tước san hô)
107	Thần mát	215	Chè	323	Sầu riêng
108	Thảo quyết minh	216	Rau dớn	324	Cây lúa

Phụ lục 2: Danh mục các cây dùng làm thuốc của đồng bào dân tộc Raglai

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
1	Bát bát	35	Gừng	69	Sài đất
2	Bo bo (ý dĩ)	36	Hoài sơn (củ mài núi)	70	Sâm đại hành

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
3	Bồ kết	37	Huyết dụ	71	Sen
4	Bồ ngót	38	Húng chanh	72	So đũa
5	Bạch đồng nữ	39	Húng quế	73	Sống đời (lá bỏng)
6	Củ chóc (bán hạ)	40	Hương nhu tía	74	Sung
7	Cam thảo dây	41	Hành	75	Sữa (cây hoa sữa)
8	Cam thảo nam	42	Hoàng ngọc	76	Tanh tách (cây nỏ)
9	Cau	43	Ích mẫu	77	Thảo thuyết minh (muồng muồng)
10	Chó đẻ răng cưa	44	Ké hoa đào	78	Thái lái tía
11	Chùm ruột	45	Ké đầu ngựa	79	Trâm bầu
12	Cỏ cú (cỏ gấu)	46	Keo dậu	80	Tứ quý
13	Cỏ cút lợn	47	Kiến cò (bạch hạc)	81	Trinh nữ hoàng cung
14	Cỏ màn châu	48	Lá lốt	82	Từ bi
15	Cỏ mực	49	Lạc tiên (chùm bao)	83	Thuốc giòi
16	Cỏ sữa lá nhỏ	50	Lức	84	Tỏi
17	Cỏ xước	51	Mã đề	85	Trắc bá diệp
18	Cối xay	52	Mạch lạc	86	Thủy xương bồ
19	Cát lỏi	53	Mắc cỡ	87	Xuyên tâm liên
20	Cúc hoa	54	Me	88	Ngũ trãi
21	Dây gấc	55	Mơ lông	89	Chùm ngây
22	Dây muống biển	56	Muồng trâu	90	Nha đam (lô hội)
23	Dâu tằm	57	Muróp đắng	91	Sa nhân
24	Diếp cá	58	Ngãi cứu	92	Ồi
25	Dứa	59	Nghệ	93	Rễ quạt (xa can)
26	Dây đau xương	60	Nga truật (nghệ đen)	94	Rễ tranh (bạch mao căn)
27	Địa liên	61	Ngũ sắc (hoa chùm rơm)	95	Râu mèo
28	Đậu sắng	62	Nhàu nước	96	Vong nem (hải đồng)
29	Đinh lăng	63	Quả quýt	97	Súng (kiếm thực)
30	Đại tướng quân	64	Dừa nước	98	Tơ hồng

STT	TÊN	STT	TÊN	STT	TÊN
31	Đỗ trọng nam	65	Rau má	99	Xích đồng nam
32	Đại bi	66	Rau sam (mã xỉ hiện)	100	Xương khi
33	Ế lớn tròng (tía tô đại – hoắc hương đại)	67	Riềng		
34	Gai (lá gai làm bánh ít)	68	Sả		

Phụ lục 3: Danh mục các bài thuốc của Lương y dân tộc Chăm tại huyện Ninh Phước

THUỘC HỘI ĐÔNG Y	BÀI THUỐC	NGƯỜI VIẾT BÀI
Xã Phước Thái	Bài 1: Cây gạo rừng	Lương y Châu Văn Luyến
	Bài 2: Trị chứng Phụ nữ kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh	Lương y Châu Văn Luyến
	Bài 3: Trị chứng đau thần kinh tọa	Lương y Hán Tấn Thanh
	Bài 4: Trị chứng kiết lỵ mới bị và lâu ngày	Lương y Hán Tấn Thanh
	Bài 5: Cây đuôi chuột	Lương y Châu Văn Luyến
Xã Phước Hải	Bài 1: Trị chứng phụ nữ có kinh nguyệt kéo dài	Hội viên Từ Thị Xuân Cam
	Bài 2: Thuốc chữa Rắn cắn	Trị chứng Kiều Kim Văn
	Bài 3: Trị chứng tiêu khát	Hội viên Tài Thanh Xiêng
	Bài 4: Trị chứng ngứa toàn thân	Lương y Đảng Ngọc Tình
	Bài 5: Trị chứng bệnh tê, tê không rõ nguyên nhân	Lương y Kiều Ngọc Luân

THUỘC HỘI ĐÔNG Y	BÀI THUỐC	NGƯỜI VIẾT BÀI
	Bài 6: Trị chứng các khớp sưng đau	Lương y Đàng Ngọc Tình
	Bài 7: Trị chứng đau lưng, nhứt mỗi chân khớp gối đau	Lương y Châu Văn Hay
Xã Hữu Phước	Bài 1: Trị chứng khớp tay, khớp chân đau	Lương y Vạn Ngọc Kiềm
	Bài 2: Thuốc trị Giời	Lương y Đồng Minh Trí
	Bài 3: Trị chứng đau thần kinh tọa	Lương y Đồng Văn Hiến
	Bài 4: Trị chứng kiết lỵ, phân có máu tươi	Lương y, y sĩ Kiều Văn Tứ
	Bài 5: Trị chứng vòm họng sưng đau, rát họng	Lương y Đồng Văn Hiến
Xã Phước Hậu	Bài 1: Trị chứng các khớp sưng đau	Lương y Phú Ngân Hân
	Bài 2: Cay Nhàu trị chứng cao huyết áp	Lương y Phú Ngân Hân
	Bài 3: Trị chứng Mụn nhọt, viêm cơ, phụ nữ vú viêm tắc sữa	Lương y Phú Ngân Hân
	Bài 4: Trị chứng thần kinh tọa	Lương y Sầm Rầy
	Bài 5: Trị chứng phụ nữ huyết nhiệt, huyết bạch	Lương y Thạch Thị ÁpSaRa
Xã Phước Dân	Bài 1: Trị chứng đau nhứt khớp, cảm phong hàn	Lương y Đàng Năng Diệt

Phụ lục 4: Danh mục thuốc vườn Quốc gia núi Chúa – Huyện Ninh Hải (TS. Lê Văn Minh)

ST T	SỐ HIỆ U	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
1	NC-289	Quang mao	<i>Psilotrichum ferrugineum</i> (Roxb.) Moq.	Amaranthaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
2	NC-317	Trinh Nữ Hoàng Cung, Tỏi lòn, Náng lá rộng, Vạn châu lan	<i>Crinum latifolium</i> L.	Amaryllidaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
11	NC-259	Chuối khi	<i>Mitrephora</i> sp2.	Annonaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
21	NC-251	Tiết căn	<i>Sarcostemma acidum</i> (Roxb.) Voigt	Apocynaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
29	NC-503	Cao rừng	<i>Pinanga nuichuensis</i> A.J.Hend., N.K.Ban & B.V.Thanh	Arecaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
30	NC-438	Đủng đỉnh	<i>Caryota mitis</i> Lour.	Arecaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Nguyễn Hiếu Cường,	Nguyễn Quốc Đạt

ST T	SỐ HIỆ U	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Nguyễn Thành Lực	
31	NC-253	Sơn địch	<i>Aristolochia tagala</i> Cham.	Aristolochiaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
33	NC-248	Huyết giác, Trâm dứa, Cây xó nhà	<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.	Asparagaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
35	NC-375	Đinh hoa trắng sách đỏ, Đạt phước	<i>Millingtonia hortensis</i> L.f.	Bignoniaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
37	NC-509	Vợt gai	<i>Opuntia dillenii</i> (Ker Gawl.) Haw.	Cactaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
39	NC-379	Chan chan	<i>Niebuhreria siamensis</i> Kurz	Capparaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
43	NC-380		<i>Garcinia</i> sp.	Clusiaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Đặng Minh Trí

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Hiếu Cường	
55	NC-362	Cúc mai, Thu thảo	<i>Tridax procumbens</i> (L.) L.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Trần Hữu Đăng
60	NC-260	Bát giao thon , Thỏ đỉnh quế	<i>Evolvulus alsinoides</i> (L.) L.	Convolvulaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
64	NC-246	Thiên tuế lượt	<i>Cycas pectinata</i> Buch.-Ham.	Cycadaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
66	NC-279	Củ nâu	<i>Dioscorea cirrhosa</i> Lour.	Dioscoreaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
69	NC-311	Thị Bejaud	<i>Diospyros bejaudii</i> Lecomte	Ebenaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
71	NT-46	Cây ba vỏ, Lơ pơ tẻ	<i>Croton crassifolius</i> Geiseler	Euphorbiaceae	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
75	NC-296	Cù đèn	<i>Croton</i> sp.	Euphorbiaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
89	NC-301	Mạn Kinh Tử, Tử bi biển, Tử bi, Quan âm	<i>Vitex trifolia</i> subsp. <i>litoralis</i> Steenis	Lamiaceae [Verbenaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
90	PB-123	Ngọc nữ đỏ, Xích đồng nam	<i>Clerodendrum paniculatum</i> L.	Lamiaceae [Verbenaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
91	NC-343	Tử châu lá to, Tu hú lá to	<i>Callicarpa macrophylla</i> Vahl	Lamiaceae [Verbenaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
92	NC-245	Xá xị, Vù hương, Re dầu, Re hương, Thiên thai ô dược, Thỏ mộc hương, Kê cốt hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack) Meisn.	Lauraceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
94	NC-294	Bầm bầm tuyến, Bầm bầm lá me	<i>Entada glandulosa</i> Gagnep.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Hiếu Cường	
96	NC-261	Đoản kiếm tía, Cốt khí tía, Ve ve cái	<i>Tephrosia purpurea</i> (L.) Pers.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
98	NC-361	Me nước, Me keo, Găng tây	<i>Pithecellobium dulce</i> (Roxb.) Benth.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Trần Hữu Đăng
99	NC-363	Móc mèo xanh	<i>Caesalpinia digyna</i> Rottler	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Trần Hữu Đăng
104	NC-306	Thuốc cá	<i>Derris</i> sp.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
106	NC-307	Trắc dây	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
109	NC-337, NT-55	Mã tiền	<i>Strychnos nux-vomica</i> L.	Loganiaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Đặng Minh Trí

ST T	SỐ HIỆ U	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Hiếu Cường	
110	PB- 037	Đại cán 2 hoa	<i>Macrosolen dianthus</i> Danser	Loranthace ae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
114	NC- 331	Dó tròn	<i>Helicteres isora</i> L.	Malvaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn Quốc Đạt
121	NC- 272	Mung rô Robinson	<i>Munronia robinsonii</i> Pellegr.	Meliaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
127	NC- 274	Duôi ô rô	<i>Streblus ilicifolius</i> (Vidal) Corner	Moraceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
132	NC- 297	Chè vằng, Nhài gân, Nhài mạng	<i>Jasminum nervosum</i> Lour.	Oleaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn Quốc Đạt
134	NC- 372	Lá gấm	<i>Ludisia discolor</i> (Ker Gawl.) A.Rich.	Orchidacea e	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
142	NC- 262	Đỏm lá bẹ, Thỏ mật tù	<i>Bridelia retusa</i> (L.) A.Juss.	Phyllanthac eae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
				[Euphorbia ceae]		Hiếu Cường	
145	NC-359		<i>Piper</i> sp.	Piperaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
147	NC-468	Bạch hoa xà, Đuôi công hoa trắng, Cây lá đỉnh	<i>Plumbago zeylanica</i> L.	Plumbagina ceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
150	NC-348	Đơn Trung Quốc, Đơn răng cưa, Đơn nem	<i>Maesa perlaria</i> (Lour.) Merr.	Primulacea e	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
152	NC-499	Lỗ tùng trần, Quyết lá thông	<i>Psilotum nudum</i> (L.) P. Beauv.	Psilotaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
153	NC-310a		<i>Pteris</i> sp.	Pteridaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
155	NC-312	Ông lão Buchanan	<i>Clematis buchananiana</i> DC.	Ranunculac eae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Hiếu Cường	
157	NC-247		<i>Ziziphus</i> sp.	Rhamnaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
163	NC-264	Găng vàng hai hạt, Xương cá	<i>Psydrax dicoccos</i> Gaertn	Rubiaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
170	NC-506	Trang son, mẫu đơn	<i>Ixora coccinea</i> L.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
172	NC-244	Đa tử biển, Cam đường, Quýt hôi	<i>Limnocitrus littoralis</i> (Miq.) Swingle	Rutaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
173	NC-249	Gai xanh, Tầm xọng, Quýt gai, Độc lực	<i>Severinia monophylla</i> Tanaka	Rutaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
174	NC-330	Muồng truông, Hoàng mộc dài	<i>Zanthoxylum avicennae</i> (Lam.) DC.	Rutaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Hiếu Cường	
175	NC-250	Thần xạ	<i>Luvunga scandens</i> (Roxb.) Buch.-Ham. ex Wight & Arn.	Rutaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
176	NC-394	Tiểu quật tích lan	<i>Atalantia ceylanica</i> (Arn.) Oliv.	Rutaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
178	NC-254	Chành rành	<i>Dodonaea viscosa</i> (L.) Jacq.	Sapindaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
181	NC-267	Cỏ trường sinh, Quyền bá, Cây chân vịt, Trường sinh thảo	<i>Selaginella tamariscina</i> (P.Beauv.) Spring	Selaginellaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
184	NC-333	Khúc khắc, Kim cang Trung quốc, Bạt khắp	<i>Smilax china</i> L.	Smilacaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Nguyễn Quốc Đạt
187	NC-252	Bách bộ, Củ ba mươi, Củ rận trâu, Dây dẹt ác	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	Stemonaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn	Đặng Minh Trí

ST T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Hiếu Cường	
190	NC-508	Bông ổi, Trâm ổi, Hoa ngũ sắc, Thơm ổi, Tứ quý	<i>Lantana camara</i> L.	Verbenaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Đặng Minh Trí; Nguyễn Hiếu Cường	Đặng Minh Trí
208	NC-392	Sa nhân	<i>Amomum</i> sp.	Zingiberaceae	Vườn quốc gia Núi Chúa	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn Quốc Đạt

Phụ lục 5: Danh mục thuốc vườn Quốc gia Phước Bình và một số địa phương khác (TS. Lê Văn Minh)

S T T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
1	NT-57	Gai kim, Chông	<i>Barleria prionitis</i> L.	Acanthaceae	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh
2	NT-56	Nhất đốt tứ diệp, Tứ bạch long, Tai rìa	<i>Blepharis maderaspatensis</i> (L.) B.Heyne ex Roth	Acanthaceae	Xã Nhị Hà, huyện	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Thuận Nam		
3	PB - 130	Cỏ xước, Ngưu tất nam, Đảo khẩu thảo, Đảo câu thảo	Achyranthes aspera L.	Amaranthaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn Quốc Đạt
4	PB - 131	Dền gai, Rau dền gai	Amaranthus spinosus L.	Amaranthaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
5	PB - 095	Mào gà trắng, Mào gà đuôi nheo	Celosia argentea L.	Amaranthaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
7	PB - 098	Rau dệu	Alternanthera sessilis (L.) R.Br. ex DC.	Amaranthaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
9	PB - 21a	Bỏ béo đen, Giác đế Đồng Nai, Giác đế nhung	Goniothalamus vietnamensis Bân	Annonaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
10	PB - 058	Cách thư Thorel	Fissistigma thorelii (Pierre ex Finet & Gagnep.) Merr.	Annonaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
12	NT - 22	Bồng bông lá hen	Calotropis gigantea (L.) Dryand.	Apocynaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh
13	PB - 150	Bông vàng, Dây huỳnh, Huỳnh anh	Allamanda cathartica L.	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
14	PB - 047	Chè lông, Chè bông, Chè rừng, Chè đỏ ngon	Amphineurion marginatum (Roxb.) D.J.Middleton	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Thành Lực	
15	PB - 157	Dây trổ, Dây sống lưng, Mần trây	<i>Ichnocarpus frutescens</i> (L.) W.T.Aiton	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
16	NT - 21	Dừa cạn, Dừa cạn bông đỏ, Bông giếng, Trường xuân hoa	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G. Don	Apocynaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
17	PB - 034	Kiên tím	<i>Campestigma purpurea</i> Pierre	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
18	PB - 036	Lạc thạch, Mỏ sẻ, Bạch hoa đằng	<i>Trachelospermum jasminoides</i> (Lindl.) Lem.	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
19	PB - 087	Mức, Lòng mức, Lục mức	Wrightia annamensis Eberh. & Dubard	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
20	PB - 148	Sữa, Mò cua, Mòng cua	Alstonia scholaris (L.) R.Br.	Apocynaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
22	NT - 59	Bù ớc leo, Đa leo	Dregea volubilis (L.f.) Benth. ex Hook.f.	Apocynaceae [Asclepiadaceae]	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
23	PB - 032	Dây sữa quả có cánh, Sỉ quả đặng, Bạc căn Horsfield	Myriopteron extensum (Wight & Arn.) K. Schum.	Apocynaceae [Asclepiadaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
24	PB - 018	Hà thủ ô trắng, Dây sữa bò	Streptocaulon juvenas (Lour.) Merr.	Apocynaceae [Asclepiadaceae]	Vườn quốc gia	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
				iadaceae]	Phước Bình		
25	PB - 142	Khoai sọ, Khoai môn, Khoai nước	Colocasia esculenta (L.) Schott	Araceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
26	PB - 059	Minh ty	Aglaonema simplex (Blume) Blume	Araceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
27	PB - 053	Thăng mộc lá rộng	Anadendrum latifolium Hook.f.	Araceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
28	PB - 072	Ngũ gia bì chân chim, Cây chân chim, Nam sâm, Cây lằng, Cây đáng	Schefflera heptaphylla (L.) Frodin	Araliaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T T	SỐ H I Ệ U	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NG ƯỜI ĐỊN H DAN H
3 2	NT -64	Dây mỏ quạ, Mộc tiền to, Song lý to	Dischidia major (Vahl.) Merr.	Asclepi adaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
3 4	NT -01	Thiên môn, Thiên môn đông, Tóc tiên leo, Dây tóc tiên	Asparagus cochinchinensis (Lour.) Merr.	Aspara gaceae	Xã Ma Nói, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh
3 6	PB - 067	Thiết đỉnh lá bẹ	Markhamia stipulata (Wall.) Seem.	Bignoni aceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
3 8	PB - 144	Cáp gai nhỏ, Bùng chè, Mắm	Capparis micracantha DC.	Cappar aceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
4 0	NT -51	Đa quả tán phòng, Bạch cổ đỉnh, Kim sài hồ	Polycarpaea corymbosa (L.) Lam.	Caryop hyllace ae	Xã Nhị Hà, huyện	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Thuận Nam		
41	NT-05	Màn màn hoa vàng, Màn ri hoa vàng	Cleome viscosa L.	Cleoma ceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh
42	PB-097	Màng màng	Cleome rutidosperma DC.	Cleoma ceae [Cappar aceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
44	NT-50	Ngót nghẻo	Gloriosa superba L.	Colchic aceae [Melant hiaceae]	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh
45	NT-03	Trầm bầu, Chum bầu, Chung bầu, Tim bầu	Combretum quadrangulare Kurz	Combre taceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh

SỐ TỨ	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
46	PB - 093	Rau trai	<i>Commelina diffusa</i> Burm.f.	Commelinaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
47	PB - 138	Thái lái lông, Đầu riều, Trai ấn	<i>Commelina benghalensis</i> L.	Commelinaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
48	PB - 139	Bạch đầu nhỏ, Cúc bạc đầu	<i>Cyanthillium patulum</i> (Dryand. ex Dryand.) H.Rob.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
49	PB - 110	Chuồn chuồn vàng	<i>Cosmos sulphureus</i> Cav.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
50	PB - 103	Cỏ cút lợn, Cỏ hôi, Cây bù xích	<i>Ageratum conyzoides</i> (L.) L.	Compositae	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường,	Nguyễn

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
				[Asteraceae]	Phước Bình	Nguyễn Thành Lực	Quốc Đạt
51	PB - 094	Cỏ hôi, Bọ xít, Tổ ong	<i>Synedrella nodiflora</i> (L.) Gaertn.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
52	PB - 115	Cỏ lào, Cây bóp bóp, Cộng sản	<i>Chromolaena odorata</i> (L.) R.M.King & H.Rob.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
53	PB - 096	Cỏ mực, Cỏ nhọ nồi, Hạn liên thảo, Liên tử thảo, Kim lang thảo, Hồ tôn đầu, Hắc đầu thảo	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
54	PB - 102	Cỏ tai hùm, Cỏ bông	<i>Erigeron canadensis</i> L.	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

S T T	SỐ H I Ệ U	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NG UỖI ĐỊN H DAN H
5 6	PB - 128	Ngải cứu, Thuốc cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Compo sitae [Astera ceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
5 7	PB - 077	Rau má lá rau muống, Rau má tía, Cỏ chua lè, Mặt trời	<i>Emilia sonchifolia</i> (L.) DC. ex DC.	Compo sitae [Astera ceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
5 8	PB - 127	Rau tàu bay, Kim thất	<i>Crassocephalum crepidioides</i> (Benth.) S.Moore	Compo sitae [Astera ceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
5 9	PB - 091	Song nha lông, Đơn bút, Đơn kim, Quỷ châm thảo	<i>Bidens pilosa</i> L.	Compo sitae [Astera ceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
6 1	PB - 146	Cầu qua Ấn, Cầu qua nhám	<i>Mukia maderaspatana</i> (L.) M.Roem.	Cucurbi taceae	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường,	Nguy ễn

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Phước Bình	Nguyễn Thành Lực	Quốc Đạt
62	PB - 122	Khổ qua, Lương qua, Mướp đắng	Momordica charantia L.	Cucurbitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
63	NT - 12	Mảnh bát, Dây bình bát, Dây miếng bát	Coccinia grandis (L.) Voight	Cucurbitaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
65	PB - 140	Lác nước, Cói nước	Cyperus malaccensis Lam.	Cyperaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
67	PB - 066	Khoai dái, Khoai trời, Củ dại	Dioscorea bulbifera L.	Dioscoreaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
68	PB - 021	Râu hùm, Củ dôm, Ngải rơm	Tacca chantrieri André	Dioscoreaceae [Taccaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
70	PB - 159	Cỏ tháp bút trường, Cỏ tháp bút yếu, Mộc tặc yếu	Equisetum ramosissimum subsp. debile (Roxb. ex Vaucher) Hauke	Equisetaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
71	NT - 46	Cây ba vỏ, Lơ pơ tẻ	Croton crassifolius Geiseler	Euphorbiaceae	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh
72	PB - 063	Chóc non, Chóc mót, Gió, Ruồi tròn dài, Chóc móc	Mallotus peltatus (Geiseler) Müll.Arg.	Euphorbiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
73	PB - 108	Cỏ mủ, Cỏ sữa khác lá, Trạng nguyên lá khác	Euphorbia heterophylla L.	Euphorbiaceae	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường,	Nguyễn

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Phước Bình	Nguyễn Thành Lực	Quốc Đạt
74	PB-113	Cỏ sữa lá lớn, Thiên căn thảo	<i>Euphorbia hirta</i> L.	Euphorbiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
76	NT-06	Củ đèn lông cứng	<i>Croton hirtus</i> L'Hérit.	Euphorbiaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
77	NT-29	Dầu mè tía, Dầu lai vải	<i>Jatropha gossypifolia</i> L.	Euphorbiaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
78	NT-44	Rì rì, Rù Rì	<i>Homonoia riparia</i> Lour.	Euphorbiaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh

SỐ T T	SỐ H I Ệ U	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NG ƯỜI ĐỊN H DAN H
7 9	PB - 109	Tam thụ hùng lai	Trigonostemon hybridus Gagnep.	Euphor biaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
8 0	NT -28	Thầu dầu, Đu đủ dầu, Đu đủ tía	Ricinus communis L.	Euphor biaceae	Xã Ma Nói, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Than h
8 1	PB - 069	Gấm cọng	Gnetum latifolium var. funiculare M arkgr.	Gnetac eae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
8 2	PB - 052	Thành ngạnh đẹp	Cratoxylum formosum (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer	Hyperic aceae [Clusia ceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
8 3	NT -43	Sâm cau	Curculigo orchiodes Gaertn.	Hypoxi daceae	Xã Ma Nói, huyện	Hàng, Hùng	Lê Đức Than h

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Ninh Sơn		
84	PB - 057	Cây	<i>Irvingia malayana</i> Oliv. ex A.W.Benn.	Irvingiaceae [Ixonanthaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
85	NT -54	Hương nhu trắng, É lá lớn	<i>Ocimum gratissimum</i> L.	Lamiaceae	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh
86	NT -24	Mè đất nhám, Vùng đất, Húng cay đất	<i>Leucas aspera</i> (Willd.) Link	Lamiaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh
87	NT -23	Tía tô dại, Hoắc hương dại, É lớn tròn	<i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit.	Lamiaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh

SỐ TÊN	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
88	PB - 074	Đền lông, Mẫu kinh lông tro, Ba gát	Vitex canescens Kurz	Lamiaceae [Verbenaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
90	PB - 123	Ngọc nữ đỏ, Xích đồng nam	Clerodendrum paniculatum L.	Lamiaceae [Verbenaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
93	NT - 32	Lộc vùng	Barringtonia acutangula (L.) Gaertn.	Lecythidaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
95	NC - 385	Cam thảo dây, Cườm thảo	Abrus precatorius L.	Leguminosae [Fabaceae]	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh
97	PB - 118	Lục lạc, Sục sục, Muồng phân, Muồng lá tròn	Crotalaria pallida Aiton	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Phước Bình	Thành Lực	
100	PB - 162	Móng bò lông phún	Bauhinia hirsuta Weinmann.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
101	PB - 154	Muồng trâu	Senna alata (L.) Roxb.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
102	PB - 134	Sắn dây	Pueraria montana (Lour.) Merr.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
103	PB - 100	Thảo quyết minh, Muồng Lạc, Muồng Ngủ, Muồng Đồng Tiền, Đậu Ma, Muồng Hòe, Lạc Trời	Senna tora (L.) Roxb.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
105	PB-07	Tóp mỡ lá to, Hàm xì	<i>Flemingia macrophylla</i> (Willd.) Merr.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
107	PB-155	Vông nem, Cây lá vông, Thích đồng, Hải đồng bì, Thích đồng bì, Mộc miên thụ bì, Kê đồng mộc	<i>Erythrina variegata</i> L.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
108	PB-114	Xấu hổ, Trinh nữ, Cỏ thẹn, Mắc cỡ, Hàm tu thảo	<i>Mimosa pudica</i> L.	Leguminosae [Fabaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
110	PB-037	Đại cán 2 hoa	<i>Macrosolen dianthus</i> Danser	Loranthaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
111	PB-120	Thao lao, Bằng lăng ổi, Bằng lăng cườm	<i>Lagerstroemia calyculata</i> Kurz	Lythraceae	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Phước Bình	Thành Lực	
112	PB - 137	Chổi cái, Bái chổi, Bái nhọn	<i>Sida acuta</i> Burm.f	Malvac eae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
113	PB - 126	Cối xay, Giăng xay, Ma bàn thảo, Ma mảnh thảo, Nhĩ hương thảo, Quynh ma	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	Malvac eae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
115	PB - 143	Ké hoa đào, Ké hoa đỏ, Ké khuyết	<i>Urena lobata</i> L.	Malvac eae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
116	PB - 153	Lòng mán mũi	<i>Pterospermum mucronatum</i> Tardieu	Malvac eae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
117	PB - 104, PB - 105	Sâm Phú Yên, Sâm bó chính, Sâm nam, Búp nhân sâm, Thổ hào sâm	Abelmoschus moschatus subsp. tuberosus (Span.) Borss.Waalk.	Malvac eae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
118	NT -49	Cây tổ kén, Dó hẹp	Helicteres angustifolia L.	Malvac eae [Sterculiaceae]	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh
119	PB - 117	Cò ke	Grewia tomentosa Juss.	Malvac eae [Tiliaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
120	PB - 151	Sâm lam	Memecylon caeruleum Jack	Melastomataceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ TÊN T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
122	NT-02	Neem, Sầu đầu	Azadirachta indica A.Juss.	Meliaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
123	PB-014	Ngâu cánh, Ngâu rừng	Aglaia pleuropteris Pierre	Meliaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
124	NT-20, PB-083	Bình vôi trắng, Ngải tượng trắng, Dây đồng tiền	Stephania pierrei Diels	Menispermaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
125	PB-073	Dây cóc, Dây ký ninh, Thuốc sốt rét	Tinospora crispa (L.) Hook. f. & Thomson	Menispermaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
126	NT-13	Rau đắng đất, Rau đắng lá vòng	Glinus oppositifolius (L.) Aug. DC.	Molluginaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
128	PB - 125	Sung 3 thù	<i>Ficus hirta</i> subsp. <i>roxburghii</i> (King) C.C.Berg	Moraceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
129	PB - 145	Trâm mốc	<i>Syzygium cumini</i> (L.) Skeels	Myrtaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
130	NT -31	Sâm đất, Sâm nam, Sâm rừng, Sâm quy đầu	<i>Boerhavia repens</i> L.	Nyctaginaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
131	NT -16	Dương đầu tà, Mao trật	<i>Olax obtusa</i> Blume	Olacaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
133	PB -28	Hà biện thái lái	<i>Habenaria commelinifolia</i> (Roxb.) Wall. ex Lindl.	Orchidaceae	Vườn quốc gia Phước bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh

SỐ TỨ	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
135	PB-15	Thanh thiên quỳ lá xếp, Lan trần châu lá xếp	<i>Nervilia plicata</i> (Andrews) Schltr.	Orchidaceae	Vườn quốc gia Phước bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
136	PB-17	Trần châu một hoa, Một lá tím, Trần châu nhẵn, Trần châu một hoa, Lan một lá	<i>Nervilia crociformis</i> (Zoll. & Moritzzi) Seidenf.	Orchidaceae	Vườn quốc gia Phước bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
137	PB-038	Thạch học, Tuyết mai	<i>Dendrobium albopurpurea</i> (Seidenf.) Schuit. & Peter B.Adams	Orchidaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
138	PB-078	Chua me lá me, Mắc cỡ tán dù, Sinh diệp mắc cỡ	<i>Biophytum sensitivum</i> (L.) DC.	Oxalidaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
139	NT-14	Lạc tiên, Nhãn lồng, Chùm bao	<i>Passiflora foetida</i> L.	Passifloraceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
140	PB - 033	Chòi mòi chua	Antidesma acidum Retz	Phyllanthaceae [Euphorbiaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
141	PB - 101	Chó đẻ thân xanh, Chó đẻ răng cưa, Diệp Hạ Châu	Phyllanthus amarus Schumach. & Thonn.	Phyllanthaceae [Euphorbiaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
143	PB - 111	Rau càng cua	Peperomia pellucida (L.) Kunth	Piperaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
144	PB -12	Rau càng cua bốn lá	Peperomia tetraphylla (G.Forst.) Hook. & Arn.	Piperaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
146	PB - 133	Cam thảo đất, Cam thảo nam	Scoparia dulcis L.	Plantaginaceae [Scroph	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T T	SỐ H T T	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NG UỖI ĐỊN H DAN H
				ulariace ae]	Phước Bình	Thành Lực	
1 4 8	PB - 136		Polygonum maculosa Gray.	Polygo naceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguy ễn Quốc Đạt
1 4 9	NT -63	Tắc kè đá, Bồ cốt toái	Drynaria bonii Christ	Polypo diaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Minh, Thanh	Lê Đức Than h
1 5 1	NT -60	Trọng đũa, Cơm nguội răng	Ardisia crenata Si ms	Primula ceae [Myrsin aceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Minh, Thanh	Lê Đức Than h
1 5 4	NT -45	Mộc thông nhỏ (Dây ông lão, Ông lão Armand)	Clematis armandii Franch.	Ranunc ulaceae	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Than h

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
156	PB - 116	Táo rừng	Ziziphus oenopolia (L.) Mill.	Rhamnaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
158	PB - 079	An điền tai	Oldenlandia auricularia (L.) K.Schum.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
159	PB - 056	Bướm bạc Cambốt	Mussaenda cambodiana Pierre ex Pit.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
160	PB - 165	Bướm bạc một hoa	Aphaenandra uniflora (Wall. ex G.Don) Bremek.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
161	PB - 013	Dây vàng hoang	Coptosapelta tomentosa var. dongiense	Rubiaceae	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường,	Nguyễn

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
			(Blume) Vahl. ex Heyne. (Pit.) Phamh.		Phước Bình	Nguyễn Thành Lực	Quốc Đạt
162	NT - 39, NC 321	Găng lựu, Găng nhung, Găng gai, Găng trắng, Găng bột	Catunaregam tomentosa (Blume ex DC.) Tirveng.	Rubiaceae	Xã Ma Nôi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
164	PB - 147	Gáo vàng	Nauclea orientalis (L.) L.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
165	PB - 152	Giọt sành, Bã mía, Thanh táo rừng, Giọt, Thanh lao	Pavetta indica L.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
166	PB - 044	Kỳ nam gai	Myrmecodia tuberosa Jack	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
167	PB - 043	Kỳ nam kiến, Bí kỳ nam	Hydnophytum formicarum Jack	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
168	PB - 156	Mạc vồng	Hymenodictyon orixense (Roxb.) Mabb.	Rubiaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
169	NT - 18	Nhàu lông mềm, Cây gạch, Mặt quỷ	Morinda villosa Hook.f.	Rubiaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
171	PB - 010	Châm châu, Chùm hôi	Clausena excavata Burm.f.	Rutaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
177	PB - 065	Đa Đa, Hải sơn, Cò xura, Xên	Harrisonia perforata (Blanco) Merr.	Rutaceae [Simarouba]	Vườn quốc gia	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
				ubaceae]	Phước Bình		
179	PB - 080	Ngoại mộc Hayata	<i>Allophylus hayatae</i> Gagnep.	Sapindaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
180	PB - 090	Bòng bong, Thòng bong, Bòng bong dẻo	<i>Lygodium flexuosum</i> (L.) Sw.	Schizaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
182	PB - 022	Quyển bá Willdenow	<i>Selaginella willdenowii</i> (Desv. ex Poir.) Baker	Selaginellaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
183	NT -58	Bách bệnh, Bá bệnh, Mật nhân, Mật nhơn	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack	Simarubaceae	Xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam	Thanh, Lan	Lê Đức Thanh

SỐ TÊN	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
185	PB - 106	Cà đại hoa trắng	<i>Solanum torvum</i> Sw.	Solanaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
186	NT -26	Cà độc dược, Mạn đà la	<i>Datura metel</i> L.	Solanaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
188	NT -61	Bách bộ Collins, Bách bộ hoa tím, Bách bộ đứng	<i>Stemona collinsiae</i> Craib	Stemonaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
189	PB - 135	Thuộc giò, Bộ mắt	<i>Pouzolzia zeylanica</i> (L.) Benn.	Urticaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
191	PB - 051	Chìa vôi bốn cạnh, Nho tía, Hồ đăng 4 cạnh	<i>Cissus quadrangularis</i> L.	Vitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
						Thành Lực	
192	PB - 048	Củ rói mạnh	Leea macrophylla Roxb. ex Hornem.	Vitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
193	NT - 27, NC - 303	Dây chìa vôi, Bạch phân đẳng, Bạch liềm, Rau chua, Đậu xương	Cissus modeccoides Planch.	Vitaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh
194	PB - 054	Dây nôi	Cissus adnata Roxb.	Vitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
195	PB - 035	Dây quai bị	Tetrastigma pachyphyllum (Hemsl.) Chun	Vitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
196	NT-17	Nho rừng, Hồ nho nhện	Ampelocissus arachnoidea (Hauskn.) Planch.	Vitaceae	Xã Ma Núi, huyện Ninh Sơn	Hàng, Hùng	Lê Đức Thanh
197	PB-068	Sâm hồng, Nho rừng, Hồ nho nhện	Ampelocissus martinii Planch.	Vitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
198	PB-088	Vác, Dây vac, Dây sặt	Cayratia trifolia (L.) Domin	Vitaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
199	PB-016	Gối hạc đen, Củ rôi đen	Leea indica (Burm.f.) Merr.	Vitaceae [Leeaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
200	PB-158	Gối hạc, Đơn gối hạc, Củ rôi, Cây mủn	Leea rubra Blume ex Spreng.	Vitaceae [Leeaceae]	Vườn quốc gia	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ T	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
					Phước Bình	Thành Lực	
201	PB - 026	Huệ rừng, Cây bã chuột, Xương quạt, Lâm nữ, Hương lâu	<i>Dianella ensifolia</i> (L.) DC.	Xanthorrhoeaceae [Phormiaceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
202	PB - 081	Gừng bọc da	<i>Zingiber pellitum</i> Gagnep.	Zingiberaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
203	PB - 064		<i>Acmella paniculata</i> (Wall. ex DC.) R.K.Jansen	Compositae [Asteraceae]	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
204	PB - 062	Nghệ, Nghệ vàng	<i>Curcuma longa</i> L.	Zingiberaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt

SỐ TÊN	SỐ HIỆU	TÊN VIỆT NAM	TÊN KHOA HỌC	HỌ	NƠI THU THẬP	NGƯỜI THU MẪU	NGƯỜI ĐỊNH DANH
205	PB-160	Riềng nếp, Sơn nại, Hồng đậu khấu	<i>Alpinia galanga</i> (L.) Willd.	Zingiberaceae	Vườn quốc gia Phước Bình	Nguyễn Hiếu Cường, Nguyễn Thành Lực	Nguyễn Quốc Đạt
206	PB-13a, PB-046	Sa nhân hai hoa, Sa nhân hồi	<i>Amomum biflorum</i> Jack	Zingiberaceae	Vườn quốc gia Phước bình	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh
207	NT-35	Thiên liên Harmandiana	<i>Kaempferia harmandiana</i> Gagn.	Zingiberaceae	Xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn	Hằng, Hùng	Lê Đức Thanh
209	NT-62	Gai ma vương, Gai chống, Tật lê, Quỷ kiến sầu, Yết hầu, Hắc hầu, bạch tật lê	<i>Tribulus terrestris</i> L.	Zygophyllaceae	TP. Phan Rang, Tháp Chàm	Minh, Thanh	Lê Đức Thanh

Phụ lục 6: Các bài thuốc Nam tại Hội Đông Y huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

STT	BÀI THUỐC
CHƯƠNG 1: CÁC BÀI THUỐC THUỐC NAM	
1	Bài 1: Bài Thuốc Chữa Sâu Răng (Lương y: Nguyễn Thị Mai)
2	Bài 2: Bài Thuốc Chữa Bệnh Đau Bao Tử (Lương y: Bùi Thị Trinh
3	Bài 2: Chữa Cảm Cúm, Sổ Mũi Bằng Cách Xông Hơi (Lương y: Bùi Thị Trinh)
4	Bài 3: Trị Các Loại Rắn Độc Cắn (Lương y: Nguyễn Văn Vĩnh)
5	Bài 4: Tự Nhiên Phát Phù Thũng (Lương y: Nguyễn Văn Vĩnh)
6	Bài 5: Trị Đau Lưng Nhức Mối. (Lương y: Dương Đình Ngọc)
7	Bài 6: Trị Chứng "Môi Nứt Nẻ Không Há Miệng Được" (Lương y: Dương Đình Ngọc)
8	Bài 7: Chuối Hột Chữa Bệnh Tiểu Đường (Lương y: Dương Đình Ngọc
9	Bài 8: Trị Nhức Đầu (Lương y: Dương Đình Ngọc
10	Bài 9: Chữa Ngộ Độc Say Rượu (Lương y: Dương Đình Ngọc)
11	Bài 10: Phong Làm Tê Nhức Sưng Phù (Lương y: Trương Văn Tiền)
12	Bài 11: Trị Bệnh Tiểu Đường (Lương y: Trương Văn Tiền)
13	Bài 12: Bài Thuốc Chữa Rong Kinh (Lương y: Cao Thị Thanh Mai)
14	Bài 13: Bài Thuốc Chữa Viêm Gan- U Gan (Lương y: Cao Thị Thanh Mai
15	Bài 14: Bài Thuốc Chữa Bệnh Đau Bao Tử (Lương y: Bùi Thị Trinh)
16	Bài 15: Chữa Cảm Cúm, Sổ Mũi Bằng Cách Xông Hơi (Lương y: Bùi Thị Trinh
17	Bài 16: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Cây Lá Lốt (1)
18	Bài 16: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Cây Lá Lốt (2)
19	Bài 17: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Cây Đinh Lăng (1
20	Bài 17: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Cây Đinh Lăng (2)
21	Bài 18: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Ngải Cứu – Thuốc Đắp
22	Bài 18: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Ngải Cứu – Thuốc Uống
23	Bài 19: Các Bài Thuốc Điều Trị Gai Cột Sống – Xương rồng
24	Bài 20: Chữa Đau Cột Sống, Thoát Vị Đĩa Đệm, Đau Vai Gáy (Y sỹ Đông y Phan Thanh Bình)
25	Bài 21: Bài Thuốc Chữa Đau Dạ Dày, Viêm Đại Tr tràng (Y sỹ Đông y Phan Thanh Bình
26	Bài 21: Bài thuốc chữa Cục máu nhà con (Lương y: Nguyễn Văn Vĩnh)
27	Bài 22: Bài Thuốc Kinh Nghiệm Chữa Thần Kinh Tọa (Lương y: Nguyễn Thị Mai
28	Bài 23: Bài Thuốc Kinh Nghiệm Chữa Suy Thận (Lương y: Nguyễn Thị Mai

STT	BÀI THUỐC
29	Bài 24: Bài Thuốc Kinh Nghiệm Chữa Chàm Khô, Vảy Nến, Ngứa Mày Đáy (Lương y: Cao Thị Thanh Mai)
CHƯƠNG 2: BÀI THUỐC TRONG CHƯƠNG TRÌNH “CHUYÊN MỤC CÂY THUỐC QUANH TA” (LƯƠNG Y: NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	
30	1. Bài Thuốc Đau Thần Kinh Tọa
31	2. Bài Thuốc Trị Cảm Cúm - Ngày 15/6/2020 (Lương y: Lê Hùng Cường
32	3. Cây Rau Má - Ngày 28/7/202
33	4. Cây Lạc Tiên - Ngày 06/7/202
34	5. Cây Diệp Cá - Ngày 22/6/202
35	6. Chữa Bệnh Viêm Khớp Dạng Thấp - Ngày 22/7/202
36	7. Trị Đau Dạ Dày - Tháng 8/2020
37	8. Cây Kim Ngân Hoa - Tháng 8/2020
38	9. Trị Chứng Mất Ngủ - Ngày 16/7/2020
39	10. Cây Diệp Hạ Châu - Tháng 8/2020
40	11. Trị Vai Gáy - Tháng 8/2020
41	12. Cây Ngải Cứu - Tháng 9/2020
42	13. Cây Bồ Công Anh - Tháng 9/2020
43	14. Cây Trinh Nữ Hoàng Cung - Tháng 9/202
44	15. Cây Bồ Ngót - Tháng 9/202
45	16. Cây Cần Tây - Tháng 10/2020
46	17. Cây Hoa Hòe - Tháng 10/2020
47	18. Cây Hương Nhu - Tháng 10/202
48	19. Cây Dền Gai - Tháng 10/2020

Quét mã QR để truy cập website

